

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/KDTM-ST
Ngày 10-10-2019
V/v “T/c hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Trường

Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-KDTM ngày 11/6/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần D; địa chỉ: Lô X, khu công nghiệp N, tỉnh lộ Y, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Anh Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức K (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 04/UQ-QT ngày 28/02/2019)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp N; địa chỉ: Số X Nguyễn Quý Đức, khu phố Y, phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Hồng K là người đại diện theo pháp luật của Công ty (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Nguyễn Thiện T (vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 012/2019/GUQ/BGD/NVC ngày 09/0/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa Trần Đức Khang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 19/4/2016, Công ty Cổ phần D (viết tắt là Công ty D) và Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp N (viết tắt là Công ty N) có ký Hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm số 04/2016/BT-HĐKT với những nội dung chính như sau:

+ Công ty D đồng ý bán và Công ty N đồng ý mua bê tông thương phẩm dùng Xi măng PCB40 cho công trình Trạm bơm tăng áp, khu công nghiệp P với đơn giá được tính cụ thể theo từng mác bê tông;

+ Khối lượng bê tông và tổng giá trị Hợp đồng được tính theo khối lượng thực tế đổ tại công trình;

+ Về phương thức thanh toán là cuối mỗi tháng (ngày 25) hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng đã đổ thực tế để thực hiện việc thanh toán với số tiền tương ứng với khối lượng bê tông đã đổ trong vòng 15 ngày, Nếu quá thời hạn nêu trên Công ty N chưa thanh toán thì phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm chưa thanh toán nhưng cũng không được quá 15 ngày và Công ty D có quyền từ chối cung cấp đợt đổ bê tông tiếp theo.

Ngoài ra, Hợp đồng còn quy định về điều kiện giao nhận, điều kiện thực hiện và trách nhiệm của các bên.

Thực hiện Hợp đồng nêu trên, phía Công ty D đã tiến hành nhiều đợt giao bê tông theo yêu cầu của Công ty N đồng thời đã xuất hóa đơn tài chính và yêu cầu Công ty N thanh toán. Tuy nhiên, Công ty N vẫn không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Công ty D.

Tại Đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, Công ty D yêu cầu Công ty N phải trả tiền mua hàng còn thiếu với số tiền nợ gốc 425.561.350 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/02/2019 là 53.599.164 đồng.

Nay, tại phiên tòa Công ty D vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc buộc Công ty N phải thanh toán khoản tiền nợ gốc 425.561.350 đồng, không đồng ý với phương thức được trả dần số tiền trên cũng như miễn tiền lãi theo đề nghị của Công ty N. Riêng đối với khoản tiền lãi yêu cầu Công ty N phải thanh toán đến ngày 30/9/2019 theo lãi suất quá hạn 0,5%/tháng với số tiền 68.777.519 đồng, cụ thể:

+ Tiền lãi tính từ ngày 15/01/2017 đến ngày 30/9/2019 trên số tiền nợ gốc 308.723.750 đồng là 50.836.511 đồng;

+ Tiền lãi tính từ ngày 09/02/2017 đến ngày 30/9/2019 trên số tiền nợ 7.671.400 đồng là 1.231.260 đồng;

+ Tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 30/9/2019 trên số tiền nợ gốc 66.649.000 đồng là 10.319.487 đồng;

+ Tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 30/9/2019 trên số tiền nợ gốc 5.197.500 đồng là 804.746 đồng;

+ Tiền lãi tính từ ngày 15/4/2017 đến ngày 30/9/2019 trên số tiền nợ gốc 33.893.200 đồng là 5.072.682 đồng;

+ Tiền lãi tính từ ngày 15/4/2017 đến ngày 30/9/2019 trên số tiền nợ gốc 3.426.500 đồng là 512.833 đồng.

*** Theo Biên bản làm việc, Bản tự khai phía Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp N trình bày:**

Công ty N xác nhận hiện còn nợ Công ty D số tiền 497.160.514 đồng, trong đó nợ gốc 425.561.350 đồng và nợ lãi là 53.599.164 đồng.

Công ty N đồng ý thanh toán cho Công ty D số tiền trên theo tiến độ như sau:

- + Tháng 9/2019 thanh toán 100.000.000 đồng;
- + Tháng 10/2019 thanh toán 100.000.000 đồng;
- + Tháng 11/2019 thanh toán 100.000.000 đồng;
- + Tháng 12/2019 thanh toán 100.000.000 đồng;
- + Tháng 01/2020 thanh toán hết phần công nợ còn lại và tiền lãi phát sinh.

Trường hợp Công ty D có thiện chí thì Công ty N xin được miễn tiền lãi.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý giải quyết vụ án trên là đúng thẩm quyền; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cũng như sự xác nhận của các đương sự trong quá trình tố tụng, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 425.561.350 đồng và tiền lãi 68.777.519 đồng tính đến ngày 30/9/2019 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:*

Ngày 27/9/2019, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã có Đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Nội dung giải quyết:

[3.1] *Đối với Hợp đồng kinh tế số 04/2016/BT-HĐKT ngày 19/4/2016:*

Nhận thấy Hợp đồng nêu trên được ký giữa Công ty Cổ phần D với Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp N có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và được xác lập bởi người có thẩm quyền. Do đó, Hợp đồng trên là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[3.2] *Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc:*

Nhận thấy đối với số tiền nợ gốc 425.561.350 đồng đã được phía Công ty N thừa nhận nên không phải chứng minh.

Xét việc Công ty N không thanh toán cho Công ty D số tiền nợ gốc nêu trên là đã vi phạm về phương thức thanh toán theo thỏa thuận tại Điều IV của Hợp đồng kinh tế đã ký giữa các bên. Do đó, yêu cầu của Công ty D về việc buộc Công ty N phải trả số tiền nợ gốc 425.561.350 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.3] *Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi chậm thanh toán:*

Tại Điều IV của Hợp đồng kinh tế đã ký giữa các bên có thỏa thuận “...*Nếu quá thời hạn trên bên A (Công ty N) chưa thanh toán thì phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam...*”. Như vậy, việc Công ty D yêu cầu Công ty N phải chịu tiền lãi suất trên số tiền gốc chậm thanh toán là phù hợp với thỏa thuận của các bên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do Công ty D cung cấp nhận thấy về thời điểm, số tiền còn lại phải thanh toán, thời gian tính lãi cũng như mức lãi suất chậm thanh toán được áp dụng theo yêu cầu của Công ty D là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của Công ty D về việc buộc Công ty N phải trả khoản tiền lãi 68.777.519 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần D không phải chịu;

Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp N phải chịu:
 $20.000.000 \text{ đồng} + (94.338.869 \text{ đồng} \times 4\%) = 23.773.000 \text{ đồng}.$

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 24, 50, 297, 306, 317 của Luật thương mại; các Điều 30, 35, 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần D.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần D tổng số tiền 494.338.869 đồng (bốn trăm chín mươi bốn triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm sáu chín đồng), trong đó gồm: Tiền nợ gốc 425.561.350 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 30/9/2019 là 68.777.519 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp N phải chịu 23.773.000 đồng (hai ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

Trả lại cho Công ty Cổ phần D tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0009259 ngày 12/4/2019 (do ông Trần Đức Khang nộp) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm (đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa

